

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU ÁNH DƯƠNG

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU ÁNH DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ANH DUONG IMPORT-EXPORT SERVICES AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ANH DUONG INV EXIM., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110670430

3. Ngày thành lập: 02/04/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn 4, Xã Vạn Phúc, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0980990909

Fax:

Email: [truongkttthanoi@gmail.com](mailto:truongkttthanoi@gmail.com)

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung. | 4329     |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4330     |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4610     |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4632     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4641     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                                                                              | 4649     |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4652     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659        |
| 9.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ vàng và các kim loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4662        |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, véc ni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn đồ ngũ kim - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                 | 4663        |
| 11. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8230        |
| 12. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8292        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động xuất nhập khẩu các mặt hàng mà công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8299(Chính) |
| 14. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, và pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6619        |
| 15. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê mặt bằng, căn hộ, kho bãi, nhà xưởng                                                                                                                                                                                                                                                             | 6810        |
| 16. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7310        |
| 17. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(không bao gồm đấu giá bán lẻ qua internet)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4791        |
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>(trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4933        |
| 19. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(không bao gồm hoạt động cho thuê kho bãi)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5210        |
| 20. | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết: Dịch vụ bốc dỡ hàng hoá, bao gồm cả bốc xếp container                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5224        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ làm thủ tục visa, hộ chiếu; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; – Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu; – Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; – Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần; – Dịch vụ môi giới vận tải | 5229 |
| 22. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. - Chia tách đất với cải tạo đất (Ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).                                                                                                                                                 | 4299 |
| 23. | Phá dỡ<br>(Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4311 |
| 24. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4312 |
| 25. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 900.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                       | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRỊNH NĂNG<br>PHƯƠNG | Thôn 4, Xã Vạn<br>Phúc, Huyện<br>Thanh Trì, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam                             | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 540.000       | 5.400.000.000            | 60,000       | 0010710275<br>27                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                          | Tổng số                            | 540.000       | 5.400.000.000            | 60,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                          |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | LÊ NGỌC<br>ANH       | 6 Ngách 23/11<br>Nguyễn Phúc Lai,<br>Phường Ô Chợ<br>Dừa, Quận Đống<br>Đa, Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 270.000       | 2.700.000.000            | 30,000       | 0350820000<br>25                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                          | Tổng số                            | 270.000       | 2.700.000.000            | 30,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                          |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |           |                                                                 |                           |        |             |        |              |  |
|---|-----------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|--|
| 3 | LÊ VĂN HỒ | Đội 10, Xã Đại Áng, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 90.000 | 900.000.000 | 10,000 | 014087000097 |  |
|   |           |                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |           |                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |           |                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |           |                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |           |                                                                 | Tổng số                   | 90.000 | 900.000.000 | 10,000 |              |  |
|   |           |                                                                 |                           |        |             |        |              |  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRỊNH NĂNG PHƯƠNG
Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/03/1971
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001071027527

Ngày cấp: 21/04/2021
Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn 4, Xã Vạn Phúc, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn 4, Xã Vạn Phúc, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội